

Số: 332/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09. tháng 01. năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 28/06/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

b) Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 20/06/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động điện lực và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục KTVB và QLXLVPHC-Bộ Tư Pháp;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Thông tin điều hành (đăng công báo);
- Phòng: TH, KTN;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số 332/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung về quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể hóa các quy định tại khoản 4 Điều 67, khoản 9 Điều 68, khoản 8 Điều 69 Luật Điện lực năm 2024 và các quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân (UBND) các phường, xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc hoạt động khác có liên quan đến lĩnh vực điện lực trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HÀNH LANG BẢO VỆ AN TOÀN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

Điều 3. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không là vùng xung quanh đường dây dẫn điện trên không được giới hạn bởi chiều dài, chiều rộng, chiều cao như sau:

1. Chiều dài hành lang bảo vệ an toàn được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần	Dây trần
Khoảng cách	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m	7,0 m

3. Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

4. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện đi trên mặt đất hoặc trên không được giới hạn về các phía 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng trở ra.

Điều 4. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

1. Chiều dài hành lang được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.

2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi:

a) Mặt ngoài của mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp.

b) Hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:

Loại cáp điện	Đặt trực tiếp trong đất		Đặt trong vùng nước sông, hồ		Đặt trong vùng biển
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại	
Khoảng cách	1,0 m	1,5 m	20 m	100 m	100 m

3. Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:

a) Mặt ngoài của đáy móng mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp.

b) Độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5 m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.

Điều 5. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện

1. Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ an toàn là hình khối có chiều cao từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng với khoảng cách an toàn theo cấp điện áp, chiều rộng được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 22 kV	35 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m

2. Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, hành lang bảo vệ an toàn được giới hạn đến điểm ngoài cùng của móng, kê bảo vệ tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp như sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

3. Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ, trạm cách điện khí, trạm kín có vỏ bằng kim loại, hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.

Điều 6. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao

1. Cây trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao

a) Đối với đường dây dẫn điện có điện áp đến 35 kV trong đô thị, khu dân cư nông thôn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần
	0,7 m	1,5 m

b) Đối với đường dây có điện áp từ 110 kV đến 500 kV trong đô thị, khu dân cư nông thôn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau, trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn và được UBND tỉnh cho phép.

Điện áp	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	Dây trần		
	2,0 m	3,0 m	4,5 m

c) Đối với đường dây ngoài đô thị, khu dân cư nông thôn thì khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
	0,7 m	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đường dây dẫn điện trên không vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có nguồn gốc là rừng tự nhiên thuộc dự án đầu tư xây dựng

công trình điện lực phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa đến dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định tại điểm c khoản này, đối với những cây cao vượt quá chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa thì được phép chặt tỉa cành cây hoặc hạ chiều cao của cây để bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện. Việc chặt tỉa cành cây hoặc hạ chiều cao của cây phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

đ) Cây trong hành lang và có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình lưới điện có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này thì chủ đầu tư công trình lưới điện có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao

a) Khoảng cách từ bộ phận bất kỳ của cây khi cây bị đổ đến bộ phận bất kỳ của đường dây dẫn điện không nhỏ hơn khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV và 220 kV	500 kV
Khoảng cách	0,7 m	1,0 m	2,0 m

b) Cây trong phường, xã không đáp ứng khoảng cách tại điểm a khoản này phải có biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn và được UBND tỉnh chấp thuận.

c) Cây có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình lưới điện có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm a khoản này thì chủ đầu tư công trình lưới điện có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Lúa, hoa màu chỉ được trồng cách mép móng cột điện, móng néo ít nhất là 0,5 m.

4. Người sử dụng đất, chủ sở hữu cây có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không.

5. Đơn vị điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý, khi phát hiện nguy cơ cây vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không phải kịp thời thông báo, hướng dẫn và phối hợp với người sử dụng đất, sở hữu cây chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị và công trình điện lực. Trường hợp người sử dụng đất, sở hữu cây không thực hiện việc chặt tỉa phần cây vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều này, đơn vị điện lực báo cáo UBND các phường, xã nơi có phần cây vi phạm để xử lý chặt tỉa bảo đảm an toàn.

Điều 7. Điều kiện để nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn

đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy và bảo đảm kết cấu an toàn xây dựng.

b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bộ phận công trình lưới điện.

c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách an toàn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đối với đường dây dẫn điện trên không có điện áp 220 kV, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản này còn phải đáp ứng yêu cầu sau: cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất 01 m và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất 01 m; các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nhà ở, công trình có người sinh sống và làm việc gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp từ 500 kV trở lên phải bảo đảm cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m và các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Chương III **AN TOÀN ĐIỆN**

Điều 8. Quy định chung về an toàn điện

1. Chủ đầu tư công trình điện lực, đơn vị quản lý vận hành, xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình điện lực và các hoạt động sử dụng điện cho sản xuất có trách nhiệm ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 69 Luật Điện lực, phải tuân thủ các quy định sau về an toàn điện sau:

a) Có đầy đủ nội quy, quy trình, nhật ký vận hành, hồ sơ quản lý về an toàn điện trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

b) Có đầy đủ sơ đồ lưới điện, dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cấm, biển báo về an toàn điện theo quy định.

c) Người lao động được bố trí làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực; kiểm định thiết bị, dụng cụ điện; thí nghiệm, thử nghiệm, xây lắp, bảo trì và sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được đào tạo về nghiệp vụ, kỹ thuật phù hợp yêu cầu ngành nghề và được huấn luyện, cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật.

d) Sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy

định pháp luật có liên quan.

đ) Tổ chức hoặc tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về an toàn điện.

e) Thực hiện việc thống kê, báo cáo về sự cố, tai nạn điện theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

2. Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành trạm điện có trách nhiệm thực hiện đo, vẽ bản đồ cường độ điện trường theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện. Tại các khu vực có cường độ điện trường từ 5 kV/m trở lên phải áp dụng quy định về thời gian cho phép làm việc trong một ngày làm việc theo quy định.

Điều 9. Biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm đặt biển cấm, biển báo an toàn điện tại các trạm điện, cột điện và các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm với đường bộ, đường thủy nội địa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và các quy định của pháp luật về đường bộ, đường thủy nội địa.

2. Các cột điện phải được sơn màu trắng, đổ từ khoảng chiều cao 50 m trở lên và phải đặt đèn tín hiệu trên đỉnh cột trong các trường hợp sau:

- a) Cột điện cao từ 80 m trở lên.
- b) Cột điện cao trên 50 m đến dưới 80 m nhưng ở vị trí có yêu cầu đặc biệt.

3. Tại điểm thấp nhất nơi giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không điện áp 220 kV trở lên với đường thủy nội địa, phải có báo hiệu phù hợp để các phương tiện giao thông đường thủy nhận biết được về ban đêm.

4. Dọc theo đường cáp điện ngầm trong đất, chủ công trình phải đặt cột mốc hoặc dấu hiệu nhận biết đường cáp.

5. Đường cáp ngầm đặt trong nước phải có báo hiệu chỉ vị trí đường cáp, theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

6. Hình thức, quy cách biển báo an toàn điện và vị trí treo, lắp biển báo an toàn điện phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện.

Điều 10. Khắc phục sự cố, tai nạn điện

1. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý, khắc phục sự cố hệ thống điện theo quy định của pháp luật, cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm.

2. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện nghiêm trọng đến mức thảm họa thì việc ban bố tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp ứng phó được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 11. Chế độ báo cáo về an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Ngoài việc thực hiện khai báo tai nạn theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực phải báo cáo

cơ quan cấp trên (nếu có) và Sở Công Thương, cụ thể như sau:

a) Báo cáo nhanh tai nạn điện chết người trong vòng 24 giờ kể từ khi tai nạn xảy ra.

b) Báo cáo về an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực định kỳ hàng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn định kỳ hàng năm trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

3. Nội dung báo cáo tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm quản lý an toàn trong sử dụng điện

1. Sở Công Thương

a) Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện trên địa bàn tỉnh.

b) Thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện phù hợp với quy định hiện hành; Tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện.

c) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp công trình xây dựng lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, phạm vi bảo vệ các hạng mục xây dựng của công trình điện lực.

d) Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện trên địa bàn.

đ) Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện trên địa bàn.

e) Thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng đúng thời gian quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh giải quyết các nội dung liên quan đến quy hoạch sử dụng đất xây dựng các công trình điện lực, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư, cải tạo các dự án đầu tư công trình lưới điện và các dự án đầu tư xây dựng khác có liên quan đến công trình điện lực trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các phường, xã và các đơn vị liên quan

tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân có nhà ở, công trình thuộc trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 của Quy định này.

c) Chỉ đạo, giám sát và chịu trách nhiệm trong hoạt động thẩm định, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

3. Sở Xây dựng

a) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan cấp phép xây dựng, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc phối hợp với các đơn vị điện lực thường xuyên cập nhật sơ đồ mặt bằng lưới điện áp cao, cơ sở dữ liệu hệ thống điện, các công trình điện đi ngầm phục vụ công tác quản lý hạ tầng giao thông và cấp phép thi công xây dựng trước khi cấp phép cho tổ chức, cá nhân xây dựng theo quy định.

b) Chỉ đạo, giám sát hoạt động cấp phép xây dựng chuyên ngành, hướng dẫn các đơn vị điện lực từ bước thỏa thuận hướng tuyến, vị trí công trình đến bước thiết kế kỹ thuật và cuối cùng cấp phép thi công xây dựng công trình đảm bảo tránh chồng lấn giữa hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng giao thông, công trình xây dựng khác với hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực, các công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị.

c) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc trong giám sát sau cấp phép; phối hợp với các sở, ngành tỉnh, UBND các phường, xã, các đơn vị điện lực kịp thời xử lý, giải quyết theo thẩm quyền không để vi phạm về an toàn điện hoặc ảnh hưởng đến vận hành an toàn công trình điện lực.

4. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn công trình điện lực trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; tham mưu, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các phường, xã trong tuyên truyền, phòng ngừa, kiểm tra, xử lý và ngăn chặn kịp thời các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định; chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an phường, xã kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ an toàn công trình điện lực, trộm cắp trang thiết bị lưới điện, phá hoại lưới điện, trộm cắp điện năng.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các phường, xã có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án đảm bảo an ninh, trật tự hệ thống truyền tải điện 220kV, 500kV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn công trình điện lực trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; tham mưu, phối hợp với các đơn vị Quốc phòng, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các phường, xã trong quản lý, cấp phép phương tiện hoạt động bay gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; tuyên truyền, kiểm tra, xử lý và ngăn chặn kịp thời các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

6. Sở Tài chính:

Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện về đơn giá, chính sách hỗ trợ đền bù; bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long và các cơ quan thông tin truyền thông khác của tỉnh tuyên truyền về tầm quan trọng của công tác bảo vệ an toàn công trình điện lực, đảm bảo an toàn trong cung ứng, sử dụng điện trên địa bàn tỉnh.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện công tác quản lý an toàn trong sử dụng điện thuộc phạm vi quản lý trong các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. UBND các phường, xã

a) Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện theo thẩm quyền quản lý.

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện trên địa bàn quản lý.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác quản lý xây dựng nhà ở, công trình nhà ở, công trình nhằm tránh tình trạng xây dựng vi phạm hoặc tái vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; phối hợp với đơn vị quản lý vận hành lưới điện thực hiện nghiêm túc công tác căng nẻo ngăn ngừa không để xảy ra sự cố lưới điện truyền tải trên địa bàn phường, xã, có biện pháp xử lý đối với các hộ dân không tuân thủ việc căng nẻo lưới che cây trồng gây nguy cơ sự cố lưới điện quốc gia, không để xảy ra sự cố hệ thống điện, gián đoạn cung cấp điện ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia, tai nạn điện và cháy nổ do điện gây ra trong khu vực đường dây.

10. Các tổ chức, cá nhân sử dụng điện về bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

a) Việc xây dựng, lắp đặt hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về hệ thống điện trong nhà ở, công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện theo quy định pháp luật về điện lực.

b) Khi ký hợp đồng mua bán điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải đăng ký đầy đủ thông tin về hệ thống điện cho bên bán điện như sau:

Tổng nhu cầu công suất sử dụng điện của nhà ở, công trình theo thực tế sử dụng;

Bảng kê các thiết bị và công suất sử dụng điện trong nhà ở, công trình;

Các thiết bị bảo vệ chống quá dòng đối với hệ thống điện trong nhà ở, công trình.

c) Lắp đặt, sử dụng thiết bị, dụng cụ điện phải bảo đảm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tuân thủ hướng dẫn, bảo quản, bảo dưỡng của nhà sản xuất. Trong quá trình sử dụng điện, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống cung cấp điện từ sau công tơ mua điện đến tất cả các dây dẫn, thiết bị điện của mình; tổ chức sửa chữa, thay thế dây dẫn, thiết bị điện không bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Khi nhu cầu sử dụng công suất tăng cao hơn so với đăng ký, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải thông báo cho bên bán điện để có phương án cấp điện phù hợp.

d) Khi xảy ra sự cố chập, cháy hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình, tổ chức, cá nhân sử dụng điện có trách nhiệm sau:

- Cắt điện, có biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây cháy lan sang đồ vật, trang thiết bị khác trong nhà ở, công trình; thực hiện cứu nạn, cứu hộ.
- Kiểm tra nguyên nhân, khắc phục sự cố hệ thống cung cấp điện.
- Trường hợp sự cố vượt quá khả năng xử lý của mình, phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng liên quan tại địa phương, bên bán điện và các tổ chức, cá nhân xung quanh để phối hợp xử lý.

11. Các đơn vị quản lý vận hành, bán điện trong việc bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

a) Thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý, khi phát hiện nguy cơ cây vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không phải kịp thời thông báo, hướng dẫn và phối hợp với người sử dụng đất, sở hữu cây chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị và công trình điện lực.

b) Khi ký hợp đồng mua bán điện và cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ phải yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về hệ thống điện trong nhà ở, công trình và nhu cầu sử dụng điện năng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP; có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện các thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và các biện pháp bảo đảm an toàn điện, cụ thể như sau:

- Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về trách nhiệm đảm bảo an toàn của tổ chức, cá nhân sử dụng điện theo quy định của Luật Điện lực và Điều 21 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

- Việc trao đổi thông tin đến tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải được quy định trong hợp đồng mua bán điện và không giới hạn bởi các hình thức như bằng văn bản, bằng ứng dụng trực tuyến và các phương tiện thông tin khác.

c) Ứng dụng công nghệ số trong việc thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện về nguy cơ mất an toàn điện trong quá trình sử dụng điện:

- Triển khai, cung cấp các ứng dụng công nghệ số để kịp thời gửi thông tin đến tổ chức, cá nhân sử dụng điện khi có sự cố trên lưới điện do đơn vị điện

lực quản lý hoặc nguy cơ sự cố do bão.

- Ứng dụng công nghệ số trong công tác xây dựng tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng điện an toàn cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

d) Định kỳ hàng năm chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về điện lực các cấp, UBND các phường, xã và đơn vị truyền thông tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn.

đ) Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị bán điện có trách nhiệm phối hợp kiểm tra an toàn hệ thống điện của tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn, trường hợp phát hiện có nguy cơ mất an toàn phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn hoặc ngừng cung cấp điện theo quy định.

12. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện cho người lao động thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP. Nội dung huấn luyện, sát hạch, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện quy định, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Sở Công Thương để được hướng dẫn thực hiện; đồng thời, báo cáo UBND tỉnh để bổ sung, điều chỉnh kịp thời.